

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A – TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 29-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình và bà Võ Thị Thanh Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Võ Minh T, sinh ngày 12/10/1991 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 4, xã R, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà Q; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo chưa có vợ, con; về nhân thân: Ngày 13/12/2010, bị Công an xã Y xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã nộp phạt. Ngày 09/5/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 04 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai đến ngày 05/02/2012 chấp hành xong hình phạt; bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự theo quyết định của bản án; bị tạm giữ từ ngày 20/02/2020 đến ngày 23/02/2020 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Lê Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 1, xã R, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Phạm Tấn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: 526 X, phường C, thành phố V, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

* *Người làm chứng*:

1. NLC1;
2. NLC2;
3. ANH Đ;
4. NLC4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 11/9/2019, sau khi uống rượu tại nhà ông NLC4, sinh năm 1964, trú tại Thôn 1, xã Y, thị xã A, Võ Minh T đi bộ về nhà ở Thôn 4, xã Y, thị xã A. Khi đi ngang qua nhà anh tại Thôn 1, xã Y, thị xã A, T nhìn thấy chiếc xe ô tô tải biển số 78C-047.53 của anh D đang đậu, không có người trông coi. T đi đến mở cửa xe, phát hiện chìa khóa cắm trên ổ khóa điện. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô của anh D để đi lên huyện M, huyện O làm phương tiện chở hàng thuê. Sau đó, T điều khiển xe ô tô 78C-047.53 ra Quốc lộ 19, rồi đi theo hướng lên huyện M. Đến 02 giờ 50 phút ngày 12/9/2019, T đến cây xăng số 40 thuộc Thôn 1, xã H, huyện P để đổ dầu. T nói với anh Phạm Tấn Đ đổ 450.000đ tiền dầu. Anh Đ đổ dầu xong, T nói do đi chở hàng thuê bị mất hết tiền nên thế lại cặp bình ắc quy của xe, mai đến trả tiền, Anh Đ đồng ý. T đề xe nổ máy sẵn, rồi lấy cà lê trên xe tháo bình ắc quy đưa cho Anh Đ. Sau đó, T lái xe ô tô chạy được một đoạn, do đèn xe mờ nên T quay lại cây xăng nói với Anh Đ xin thế bánh xe sơ cua gắn trên xe 78C-047.53 và lấy lại cặp bình ắc quy, Anh Đ đồng ý. T tháo bánh xe sơ cua đưa cho Anh Đ rồi lấy cặp bình ắc quy gắn lại xe rồi điều khiển lên huyện M. T đi lòng vòng trong huyện M tìm người thuê chở hàng nhưng không ai thuê. Thấy 100.000đ của anh D để trên tấm lót đầu xe ô tô, T lấy mua bánh mì và thuốc lá. Đến ngày 14/9/2019, do hết tiền và xe gần hết dầu nên T dừng xe ở đường bê tông thuộc làng I, xã U, huyện M, tháo cặp bình ắc quy bán cho một người đàn ông không xác định được lai lịch với giá 400.000đ rồi bỏ trốn. Ngày 20/02/2020, T đến Công an thị xã A đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã thu giữ các vật chứng gồm:

- Chiếc xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu Cửu Long, biển kiểm soát 78C-047.53, số máy QAC71107735A, số máy 2810D2000181;

- Giấy chứng nhận đăng ký số 013657 của xe ô tô biển kiểm soát 78C-047.53 do Công an tỉnh Phú Yên cấp.

- Giấy chứng nhận kiểm định số 9167692 của xe ô tô biển kiểm soát 78C-047.53 ngày 19/6/2019 tại tỉnh Phú Yên.

- Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0000509325 của xe ô tô biển kiểm soát 78C-047.53.

- 01 bánh xe ô tô gồm 01 lốp loại CASUMINA (bố vải), loại 6.50-15 và 01 mâm (la răng) loại 6.50-15 (đã qua sử dụng), do anh Phạm Tấn Đ giao nộp.

- 01 Đĩa DVD trích xuất từ Camera tại cây xăng 40 thuộc Thôn 1, xã H, huyện P, thời gian từ lúc 02 giờ 49 phút 45 giây đến 03 giờ 13 phút 49 giây.

Đối với số tiền 100.000đ bị cáo đã sử dụng hết và cặp bình ắc quy bị cáo đã bán cho một người không xác định được lai lịch nên không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 98/KLĐGTS ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã A xác định: giá trị của xe ô tô 78C-047.53 là 57.000.000đ. Giá trị 01 bánh xe ô tô nói trên là 500.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 57.500.000đ (năm mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Võ Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Đồng thời đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Lê Văn D là bị hại trong vụ án trình bày: Vào lúc 16 giờ 00 ngày 11/9/2019 anh đậu chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Cửu Long màu sơn xanh, biển số 78C-047.53 tại bãi tập kết vật liệu xây dựng của gia đình ở Thôn 1, xã R, thị xã

A nhưng không rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa điện và để giấy tờ xe ô tô trên ghế nệm bên phụ. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 12/9/2019 anh D ra bãi đậu xe thì phát hiện chiếc xe ô tô nói trên đã bị mất nên anh làm đơn trình báo với Công an thị xã A. Quá trình điều tra xác định bị cáo Võ Minh T là người đã trộm cắp chiếc xe ô tô của anh. Hiện nay anh đã nhận lại được tài sản bị mất là chiếc xe ô tô và toàn bộ giấy tờ xe. Đối với số tiền 100.000đ bị cáo đã tiêu xài và 01 cặp bình ắc quy bị cáo đã bán cho một người không rõ lai lịch nên không thu hồi được. Anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về dân sự.

Lời khai của anh Phạm Tấn Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có tại hồ sơ thể hiện: Vào lúc 03 giờ sáng ngày 12/9/2019 khi anh đang trực bán xăng lại cây xăng dầu số 40 thuộc Thôn 1, xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai thì có 01 người thanh niên điều khiển xe ô tô tải màu xanh đến đổ dầu với số tiền 450.000đ. Sau khi đổ dầu xong thì người thanh niên này không có tiền trả nên đã thế lại chiếc bình ắc quy trên xe. Sau khi đi khỏi cây xăng khoảng 5 phút thì người này lái xe ô tô quay lại nói với Anh Đ cho đổi bánh xe sơ cua để lấy bình ắc quy vì do đèn mờ không chạy được, Anh Đ đồng ý. Quá trình điều tra Anh Đ đã giao nộp bánh xe ô tô nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A. Đối với số tiền mua dầu 450.000đ mà bị cáo còn nợ, anh không yêu cầu bị cáo phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 23 giờ ngày 11/9/2020, tại Thôn 1, xã R, thị xã A, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo Võ Minh T đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe ô tô tải biển số 78C-047.53 cùng với 01 bánh xe sơ cua và 100.000đ để trên xe của anh D. Tổng

giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 57.600.000đ . Vì vậy đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 13/12/2010, bị Công an xã Y xử phạt hành chính 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 09/5/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 04 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[6] Nhận định về hình phạt: Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về phần dân sự: Tại phiên tòa mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về quyền được yêu cầu bồi thường Tệt hại do tài sản bị xâm phạm nhưng anh D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Lời khai của anh Phạm Tấn Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có tại hồ sơ thể hiện anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mua dầu còn nợ là 450.000đ. Như vậy, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Minh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20/02/2020).

Về án phí: Buộc bị cáo Võ Minh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020) bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Tứ Hải